

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HSST.

Ngày: 02/7/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Thơi và ông Trần Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021, đối với:

Bị cáo: Nguyễn T, sinh ngày 14/8/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 4, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1966 và bà Trương Thị S, sinh năm 1967; anh chị em ruột: Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Đào Thị Thanh T, sinh năm: 1990; con: Có 02 con, nhỏ sinh năm 2018 và lớn sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/02/2021, tại phường TC, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 6, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị S, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số: 35/CT-VKS-Hth, ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn T về hành vi phạm tội:

Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2021, Nguyễn T mang lồng chim ra bên sông vực trước nhà của mình, tại phường TC, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế để vệ sinh. Tại đây, T gặp bà Nguyễn Thị C đang dọn rửa đồ bán hàng ăn. Lúc này, T đứng phía sau phát hiện thấy có 01 túi xách màu đen, đặt trên thềm đá ở phía sau lưng của bà C nên T nảy sinh ý định lấy trộm. T đến mở khóa túi xách và lấy trộm số tiền 5.150.000 đồng bỏ vào túi quần, còn bà C sau khi rửa dọn đồ bán hàng xong thì lấy túi xách đi về nhà, khi về nhà thì phát hiện mất số tiền để trong túi xách nên đã viết đơn trình báo cho Cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy đã triệu tập Nguyễn T lên làm việc và bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trên của mình.

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra thu giữ gồm: Số tiền: 5.150.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại tiền cho bà Nguyễn Thị C.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị C đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn T phải bồi thường về dân sự và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm theo Bản cáo trạng đã truy tố, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không xem xét về trách nhiệm dân sự và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo và lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, lợi dụng sự sơ hở của người khác, bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị C số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), nên phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là chính xác, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nêu trên của mình, để giáo dục, đồng thời răn đe phòng ngừa chung và bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có nhân thân tốt; đang nuôi dưỡng hai con còn nhỏ, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật Hình sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị C đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn T cho Ủy ban nhân dân phường TC, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường TC, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Cúc đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- CQĐT thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CQ Thi hành án dân sự Hương Thủy;
- CQ Thi hành án hình sự Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Quý Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Công an thị xã Hương Thủy;
- Cơ quan CSĐT Công an TX Hương Thủy;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân